

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỤC NGẠN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **19/2022/HNGĐ-ST**

Ngày: 08-04-2022

V/v: Tranh chấp ly hôn con chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NGẠN - TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Đức Nhường.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Tất Bấy.

2. Bà Nguyễn Thị Công Mừng

- Thư ký phiên toà: Bà Vũ Thị Thu Trang - Thư ký Toà án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Lệ Thuỷ - Kiểm sát viên.

Ngày 8 tháng 4 năm 2022 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 41/2022/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 02 năm 2022 về việc “Tranh chấp ly hôn, con chung”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2022/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 03 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Hoàng Thị L**, sinh năm 1999. Có mặt

Địa chỉ: Thôn Đ, xã C, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

- Bị đơn: Anh **Hà Văn D**, sinh năm 1993. Có mặt

Địa chỉ: Thôn Đ, xã C, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện nộp tại Tòa án ngày 14/02/2022 và tại bản tự khai và những lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án của nguyên đơn chị Hoàng Thị L, bị đơn anh Hà Văn D trình bày thì nội dung vụ án như sau:

Chị Hoàng Thị L và anh Hà Văn D kết hôn với nhau vào tháng 08 năm 2019. Trước khi kết hôn hai bên có được tìm hiểu nhau trên cơ sở tự nguyện, có đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương. Sau ngày cưới chị L anh D về chung sống cùng nhau ngay và ở tại gia đình anh D tại thôn thôn Đ, xã C, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Cuộc sống vợ chồng thời gian đầu chung sống hòa thuận hạnh phúc, đến đầu năm 2020 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân của mâu thuẫn chị L và anh D đều cho rằng vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, không thống nhất bảo ban được việc phát triển làm ăn kinh tế. Đến tháng 5/2021 thì mâu thuẫn xảy ra nghiêm trọng thì chị L bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở thôn Ao Nhãn, xã Tân Hoa, Lục Ngạn, Bắc Giang, chị L anh D sống ly thân từ đó cho đến nay. Nay chị L xác định tình cảm với anh D không còn chị làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh D. Anh D xác định anh và chị L có mâu thuẫn và anh không còn tình cảm với chị L, chị L xin ly hôn với anh anh đồng ý.

Về con chung: Chị L anh D có 01 con chung là cháu Hà Tuyết N, sinh ngày 3/5/2020. Hiện nay cháu Hà Tuyết N đang ở cùng anh D. Chị L xác định từ khi ly thân đến nay chị vẫn thường xuyên về thăm con chung, chị có xin đón con về chăm sóc nhưng gia đình anh D không cho chị đón con, hiện nay chị đang làm tại Công ty TNHH CRYSTAL INTIMATE Việt Nam thu nhập hàng tháng từ 8 đến 9 triệu đồng, chị đủ điều kiện nuôi con nên khi vợ chồng ly hôn chị nhận nuôi con chung và yêu cầu anh D phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cùng chị với mức cấp dưỡng là 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Anh D không đồng ý để cho chị L nuôi con chung, vợ chồng ly hôn anh có nguyện vọng nuôi con chung, hiện này anh đang ở nhà làm vườn ở nhà của gia đình thu nhập bình quân hơn 200.000.000 đồng/ năm, ngoài ra anh còn đi sơn nhà và đi buôn bán chim, tất cả tài sản vẫn là tài sản của bố mẹ anh nhưng anh là con một đang ở cùng bố mẹ anh nên có đủ điều kiện nuôi con.

Về tài sản chung, công nợ chung: Chị Hoàng Thị L và anh Hà Văn D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án có tiến hành xác minh tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang nơi chị L anh D đang cư trú. Đại diện Ủy ban nhân dân xã Đ cho biết: Chị L anh D kết hôn với nhau năm 2019 và về chung sống

cùng gia đình anh D ngay, sau đó chị L bỏ về nhà ngoại sinh sống, con chung vẫn ở cùng anh D. Về nguyên nhân mâu thuẫn như thế nào thì địa phương không biết vì anh D chị L không thông báo địa phương. Hiện nay mức thu nhập bình quân đầu người tại xã Đồng Cốc là 40.000.000 đồng/1 người/năm.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Hoàng Thị L vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh Hà Văn D, chị L đề nghị được nuôi con chung. Việc cấp dưỡng nuôi con chị không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị. Anh D đồng ý ly hôn với chị L nhưng không đồng ý để chị L nuôi con chung, anh nhận nuôi con chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản, công nợ chung hai bên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của các đương sự. Thẩm phán đã thực hiện đúng trình tự thủ tục tố tụng, xác định đúng thẩm quyền, quan hệ pháp luật, thu thập chứng cứ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng nguyên tắc, trình tự tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng các quy định về quyền nghĩa vụ của mình quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 271, Điều 273, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 53, Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân gia đình; Điều 6, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Hoàng Thị L và anh Hà Văn D.

- Về con chung: Giao cho chị Hoàng Thị L nuôi dưỡng con chung là Hà Tuyết N, sinh ngày 3/5/2020. Việc cấp dưỡng nuôi con không đặt ra xem xét giải quyết.

- Về tài sản, công nợ chung: Chị Hoàng Thị L và anh Hà Văn D không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

- Về án phí: Chị Hoàng Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Chị Hoàng Thị L khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn, con chung với anh Hà Văn D. Anh D có hộ khẩu thường trú và đang cư trú tại thôn Đ, xã C, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự xác định đây là quan hệ tranh chấp hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thấy:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị L và anh Hà Văn D tự nguyện tìm hiểu và đăng kết hôn với nhau vào ngày 16 tháng 08 năm 2019 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Do vậy, xác định đây là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống giữa chị L và anh D đã phát sinh mâu thuẫn, đã sống ly thân với nhau một thời gian đến nay không ai còn quan tâm tới ai, không liên lạc gì với nhau. Nay, chị L làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh D, anh D xác định cuộc sống giữa anh và chị L có mâu thuẫn nay chị L xin ly hôn anh đồng ý. Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa anh D chị L có mâu thuẫn, đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, tại phiên tòa hôm nay chị L không muốn về đoàn tụ cùng anh D và kiên quyết đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết cho cho chị được ly hôn với anh D, anh D nhất trí. Căn cứ quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử thấy cần công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị L và anh D như ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ.

[2.2] Về con chung: Chị L anh D có 01 con chung là cháu Hà Tuyết N, sinh ngày 3/5/2020. Khi ly hôn chị L anh D đều có nguyện vọng nuôi con chung. Xét thấy chị L anh D chỉ có một con chung duy nhất là Hà Tuyết N, nguyện vọng nuôi con của chị L anh D khi vợ chồng ly hôn là chính đáng. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử thấy hiện nay cháu Hà Tuyết N còn rất nhỏ mới chỉ có 23 tháng tuổi vẫn rất cần sự chăm sóc của người mẹ, hiện nay chị L cũng có việc làm ổn định, có hợp đồng lao động với công ty TNHH CRYSTAL INTIMATE với mức thu nhập hàng tháng từ 8 đến 9 triệu đồng/tháng có đủ điều kiện để nuôi con. Do vậy để đảm bảo sự phát triển toàn diện của con chung của chị L anh D là cháu Hà Tuyết N cần giao cho chị Hoàng Thị L nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Với ý kiến đề nghị giao con chung cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên cần được chấp nhận.

Việc cấp dưỡng nuôi con chung tại phiên tòa chị L, anh D không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung, công nợ chung: Chị Hoàng Thị L và anh Hà Văn D không yêu cầu giải quyết về tài sản chung, công nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Chị Hoàng Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù quy định tại Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án nên cần được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 271, Điều 273, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều, Điều 51, Điều 53, Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 6, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Hoàng Thị L và anh Hà Văn D.

2. Về con chung: Giao cho chị Hoàng Thị L nuôi dưỡng con chung là Hà Tuyết N, sinh ngày 3/5/2020 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi theo quy định pháp luật. Việc cấp dưỡng nuôi con chung không đặt ra xem xét giải quyết..

Sau khi ly hôn anh Hà Văn D được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được ngăn cản anh D thực hiện quyền này.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí: Chị Hoàng Thị L phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Xác nhận chị L đã nộp số tiền 300.000 đồng tiền tạm

ứng án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang theo Biên lai thu số: 0010601 ngày 14/02/2022. Khoản tiền này chuyển thành án phí

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Lục Ngạn;
- Chi cục THADS huyện Lục Ngạn.
- UBND xã T, huyện L,
tỉnh Bắc Giang.
(Số 25/2019).
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đã ký

Nguyễn Đức Như